

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**

**ĐỀ CƯƠNG NGHỊ ĐỊNH**  
**VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 40/2020/NĐ-CP**  
**NGÀY 06 THÁNG 4 NĂM 2020 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ QUY ĐỊNH**  
**CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*

*Chính phủ ban hành Nghị định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công như sau:**

1. Bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

“Cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án quyết định thời gian thực hiện dự án phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công. Trường hợp không đáp ứng thời hạn bố trí vốn thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công, cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“Trường hợp chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, đang trong quá trình thực hiện, việc điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện khi chương trình, dự án có thay đổi về mục tiêu, quy mô, phạm vi, cơ cấu nguồn vốn, vượt tổng mức đầu tư so với tổng mức đầu tư tại quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.”

3. Sửa đổi khoản 1 Điều 29 như sau:

“Đối với dự án do bộ, cơ quan trung ương quản lý, đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ của bộ, cơ quan trung ương chủ trì tổ chức thẩm định thiết



kế, dự toán đầu tư của dự án và trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án phê duyệt đối với dự án thiết kế một bước. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với thiết kế hai bước. Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.”

4. Sửa đổi khoản 2 Điều 29 như sau:

“Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của dự án và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư phê duyệt đối với dự án thiết kế một bước. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với thiết kế hai bước. Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.”

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 29 như sau: “Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý và dự án được Ủy ban nhân dân phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư, đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của dự án trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt đối với dự án thiết kế một bước. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với thiết kế hai bước. Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.”

6. Sửa đổi khoản 3 Điều 31 như sau: “Thời gian phê duyệt thiết kế, dự toán dự án: Cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán dự án kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

a) Đối với dự án nhóm A: Không quá 15 ngày;

b) Đối với dự án nhóm B: Không quá 10 ngày;

c) Đối với dự án nhóm C: Không quá 5 ngày.”

7. Sửa đổi khoản 1 Điều 36 như sau: “Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định Điều 55 của Luật Đầu tư công, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư lập kế hoạch đầu tư trung hạn, báo cáo bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Quốc hội.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 44 như sau: “Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành các giải pháp



đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm, bảo đảm giải ngân hết kế hoạch vốn được giao theo quy định của Luật Đầu tư công.

Trường hợp đến ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch, bộ, cơ quan trung ương và địa phương không giải ngân hết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương được giao hằng năm, không có các trường hợp bất khả kháng được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định tại Nghị định này, thực hiện hủy dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm bố trí đủ vốn trong kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương các năm tiếp theo để hoàn thành nhiệm vụ, dự án đúng tiến độ, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 như sau:

**“Điều 48. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm**

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau trong các trường hợp sau:

a) Dự án quan trọng quốc gia, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án quan trọng quốc gia;

b) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng;

c) Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí kế hoạch vốn năm sau. Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí đủ vốn trong năm kế hoạch để hoàn thành nhưng không được bố trí kế hoạch vốn năm sau.

d) Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau;

đ) Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép;

e) Dự án cơ quan đại diện và cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài;

g) Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài kết thúc điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế vào năm sau năm kế hoạch nhưng chưa bố trí đủ kế hoạch vốn để hoàn thành dự án.

h) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chỉ có duy nhất 01 dự án hoặc nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư trong năm kế hoạch hoặc không thể thực hiện điều chỉnh kế hoạch.



i) Nhiệm vụ quy hoạch;

k) Các khoản dự toán chi đầu tư phát triển được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán.

2. Căn cứ đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn ngân sách trung ương của bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập không quá ngày 31 tháng 12 năm sau.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**